

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tám.

Ông Đặng Thế Ứng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Minh T, sinh ngày 04/4/1988; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị T1ạ Thị Minh T1, sinh ngày 26/3/1990; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 30/3/2023, nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua tìm hiểu và quen biết, anh và chị T1 kết hôn năm 2013, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân Phường A) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111/2013, quyển số 01/2013 ngày 19/7/2013. Thời gian đầu anh và chị T1 sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm lạnh nhạt, làm cho cuộc sống giữa anh và chị T1 không có hạnh phúc. Ngày 07/11/2022, anh có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1 nhưng sau đó anh rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân thị xã C ra Quyết định đình chỉ

vụ án số 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2022. Đến hiện tại mâu thuẫn giữa anh và chị T1 đã đến mức trầm trọng và ngày càng gay gắt hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm giữa anh và chị T1 không còn khả năng hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn với chị T1ạ Thị Minh T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Minh A sinh ngày 04/7/2014, Lê Minh T2 sinh ngày 10/01/2016, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn chị T1ạ Thị Minh T1, từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị T1 vắng mặt.*

- Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nội dung đơn yêu cầu và có đơn xin xét xử vắng mặt

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Lê Minh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với chị T1ạ Thị Minh T1, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy chị T1ạ Thị Minh T1, sinh ngày 26/3/1990 có địa chỉ: Số 595/1, Đường 3/2, Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, không có tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm để chăm lo cho nhau nhưng đến nay vẫn không hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau. Anh T đã nộp đơn và rút đơn khởi kiện xin ly hôn để tạo điều kiện thời gian vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 cũng đồng ý tự nguyện thỏa thuận đồng ý ly hôn với anh T.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, gia đình và vợ chồng không hòa giải hàn gắn được, chị T1 cũng đồng ý ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận cho anh T được ly hôn với chị T1.

[5] Về con chung: Anh T và Chị T1 có 02 con chung tên Lê Ngọc Minh A sinh ngày 04/7/2014, Lê Minh T2 sinh ngày 10/01/2016. Anh T yêu cầu sau khi ly hôn anh được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, anh T, chị T1 hiện tại 02 con chung tên Lê Ngọc Minh A sinh ngày 04/7/2014, Lê Minh T2 sinh ngày 10/01/2016 đang sống chung với gia đình chị T1, Hội đồng xét xử xét thấy để có cuộc sống ổn định, không thay đổi môi trường sống làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và nuôi dưỡng giáo dục các cháu vì hai cháu hiện còn nhỏ. Hội đồng xét thấy cần thiết giao chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, nếu trong quá trình nuôi dưỡng chị T1 vi phạm nghĩa vụ, anh T có quyền yêu cầu Tòa án xem thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do giao con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc và chị T1 có yêu cầu anh T mỗi tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/cháu/tháng, xét thấy yêu cầu của chị T1 có căn cứ phù hợp và đảm bảo một phần nhu cầu chi phí cho việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Anh T và chị T1 khai không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh T, chị T1 khai không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T xin ly hôn với chị T1 và giao chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Lê Ngọc Minh A sinh ngày 04/7/2014, Lê Minh T2 sinh ngày 10/01/2016. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/cháu đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

[9] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T với chị T1ạ Thị Minh T1.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị T1ạ Thị Minh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Lê Ngọc Minh A sinh ngày 04/7/2014, Lê Minh T2 sinh ngày 10/01/2016.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/cháu đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh T, chị T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018452 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Nên anh T còn phải nộp tiếp tiền án phí cấp dưỡng 300.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Lê Minh T, chị T1ạ Thị Minh T1 được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C.
- Phòng Tư pháp thị xã C;
- UBND Phường D;
- UBND xã L;
- Đương sự
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp